TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST Ngày 29-9-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Tô Thị Lành
Bà Ngô Thị Thao

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1997; địa chỉ: 279 đường Nguyễn Tất Thành, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

- *Bị đơn*: Anh Võ Hoàn N, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 126/22 đường Trần Nhật Duật phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-3-2020; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 19-6-2020, bản tự khai ngày 25-6-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Hoàn N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban Nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 22/01/2019). Sau khi kết hôn chị và anh N về chung sống tại địa chỉ 126/22 đường Trần Nhật Duật, tổ 07 phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu chị và anh N sống hạnh phúc, tuy nhiên được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt không đi đến điểm chung, cách sống giữa chị và anh N không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm làm cho cuộc sống gia đình mất hết hạnh phúc, không thể

tiếp tục sống chung đươc nữa. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 đến nay không còn quan tâm với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Quan hệ hôn nhân giữa chị và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Võ Hoàn N.

Về nuôi con chung: Chị và anh Võ Hoàn N có 01 con chung là cháu Võ Hoàn Khả D, sinh ngày 20-02-2019. Hiện cháu D đang ở với chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu D, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị là nhân viên bán hàng Công ty Thế giới di động - Cửa hàng điện máy xanh có mức thu nhập ổn định, nên đủ điều kiện để nuôi con khôn lớn và trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị khai, chị và anh N quen nhau từ năm 2016, khi quen chị có biết anh N đã có một đời vợ nhưng vẫn sống chung với anh N tại số nhà 02 đường Trần Nhật Duật, tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn và thuê trọ sống tại số 126/22 đường Trần Nhật Duật, tổ 07, phường I, thành phố P.Trong thời gian này anh N làm ăn thua lỗ, lại ham chơi game, mọi khoản chi tiêu của vợ chồng chị đều do cha mẹ chồng hỗ trợ. Chị biết anh N có người phụ nữ khác cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Gia đình hai bên hòa giải, khuyên bảo nhưng anh N không nghe. Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Võ Hoàn N và được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Võ Hoàn N đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, tại phiên tòa hôm nay và đều không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 25-8-2020 tại tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh Võ Hoàn N, sinh năm 1988, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 02, đường Trần Nhật Duật, tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có nơi cư trú tại số nhà 126/22 đường Trần Nhật Duật, tổ 07, phường I, thành phố P. Hiện nay anh Võ Hoàn N vẫn đang cư trú tại địa chỉ số 126/22 đường Trần Nhật Duật. Về mâu thuẫn vợ chồng anh N và chị L thì địa phương không biết, chỉ biết được hiện nay vợ chồng anh N, chị L đang sống ly thân với nhau.

Chị L đã cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận thu nhập cá nhân ngày 11/9/2020, chị là nhân viên của Công ty thế giới di động có thu nhập bình quân hàng tháng là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và bản sao kê tài khoản ngân hàng ngày 27-8-2020 của chị L đang sử dụng là đang có hiệu lực.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Võ Hoàn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Hoàn Khả D, sinh ngày 20-02-2019 cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Võ Hoàn N, có nơi cư trú tại tổ 07, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý và giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Hoàn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Hoàn N theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Võ Hoàn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 22-01-2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Trần Thị Mỹ L và anh Võ Hoàn N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chung thủy có quan hệ ngoại tình dẫn đến giữa chị và anh N thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau nên bất đồng quan điểm đã được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Hiện nay chị và anh N sống ly thân, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, người nào chỉ biết bổn phận người đó.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L xin ly hôn anh và yêu cầu được quyền nuôi con chung, nhưng anh N không đến thực hiện quyền của mình, điều này thể hiện anh N không quan tâm, bỏ mặc không mong muốn níu kéo, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Qua xác minh thì chị L anh N có sinh sống tại số nhà 126/22 đường Trần Nhật Duật, tổ 07, phường I, thành phố P. Địa phương chỉ biết hiện nay vợ chồng anh N, chị L đang sống ly thân với nhau. Thực tế chị L đã chuyển đi nơi khác và vợ chồng chị L anh N vẫn tiếp tục sống ly thân không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau.

[5] Tại phiên tòa hôm nay chị L xác định tình cảm của chị đối với anh N không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Hoàn N. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Võ Hoàn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh Võ Hoàn N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về nuôi con chung: Chị và anh Võ Hoàn N có 01 con chung là cháu Võ Hoàn Khả D, sinh ngày 20-02-2019. Hiện cháu D đang ở với chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu D. Do anh N vắng mặt không tham gia tố tụng, không có bản khai nộp cho Tòa án nên không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng việc nuôi con chung. Xét thấy, cháu D ở với chị L và được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Chị L có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, vì cháu D dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi cháu D của chị L và giao cháu Võ Hoàn Khả D cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L khai hiện tại chị có công ăn việc làm bình thường, có thu nhập ổn định đủ điều kiện về kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn. Hơn nữa, lâu nay con đều ở với chị và do chị chăm sóc mà vẫn đảm bảo phát triển bình thường nên chị không yêu cầu anh Nguyên phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ L ly hôn anh Võ Hoàn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Võ Hoàn Khả D, sinh ngày 20-02-2019 cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0005162 ngày 25-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Ia Kring;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Công Tồn